

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2019/DSST

Ngày: 14-10-2019.

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hường.

Hội thẩm nhân dân: - Ông Thái Văn Lộc

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huệ Thư- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 65/2019/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: tổ 4, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Chị Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: tổ 20, ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/8/2019 và các lời khai tại Tòa án chị Hà Thị T (nguyên đơn) trình bày: Ngày 17/4/2017 DL chị N có vay tôi số tiền 10.000.000 đồng, hẹn sau 02 tháng sẽ trả lại, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng (200.000 đồng/tháng/10.000.000 đồng), hai bên có làm giấy nợ viết tay do chị N viết và ký tên. Chị N trả lãi hàng tháng cho tôi đến tháng 10/2018 thì ngưng số tiền lãi tôi đã nhận là 3.000.000 đồng, chưa trả được số tiền gốc nào. Do chị N không đóng lãi

nên tôi nhiều lần đòi nợ nhưng chị N nói tôi đừng nói với gia đình chồng chị để chị bán vàng trả, nhưng chị N hẹn lần hẹn lượt nhưng không trả. Do quá bức xúc nên tôi gọi điện cho chồng chị N, chồng chị N hẹn tôi đến nhà nói chuyện thì chị N nói tôi làm giả giấy tờ và đánh tôi, tôi có báo chính quyền địa phương nhưng không được giải quyết nên tôi khởi kiện ra Tòa án.

Tại tòa tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh buộc chị Trần Thị Mỹ N trả cho tôi số tiền gốc là 10.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tôi không yêu cầu chồng chị N là anh Lê Văn S liên đới cùng chị N trả nợ cho tôi.

*** Chị Trần Thị Mỹ N - bị đơn trình bày:**

Tôi thống nhất với lời khai của chị T về ngày vay, số tiền vay, thời gian trả nợ và giấy nợ. Ngày 17/4/2017 DL tôi có vay chị T số tiền 10.000.000 đồng, hẹn sau 02 tháng sẽ trả lại, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, hai bên có làm giấy nợ viết tay do tôi viết và ký tên, tôi tự nguyện viết giấy không bị ai ép buộc. Số tiền này tôi mượn cho chị Nguyễn Huỳnh T – cháu chồng tôi mượn lại, sau đó 7 ngày cháu T và tôi cùng đem tiền qua trả cho chị T trả tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi 350.000 đồng, cháu T có nói chị T trả giấy nợ bản chính nhưng chị T nói giấy nợ bị mất, tôi có nói nếu sau này chị kiện thì sao, chị T nói chị em ai làm như vậy nên tôi tin tưởng không đòi nữa, trả tiền chỉ có chị T, cháu T và tôi ngoài ra không ai biết cũng không có giấy tờ gì chứng minh. Từ đó đến nay không thấy chị T nhắc gì đến tiền nợ nên tôi nghĩ chị T đã xé giấy nên không hỏi lại. Đến nay do chị em mâu thuẫn về tiền hui nên chị T mới đem giấy nợ cũ đi kiện tôi.

Tại tòa chị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh buộc tôi trả số tiền gốc là 10.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, tôi không đồng ý, lý do tôi đã trả tiền rồi không còn nợ gì chị T.

Chị Nguyễn Thị Quỳnh T trình bày: Chị thống nhất với lời khai của chị T và chị N về số tiền vay, thời gian trả nợ và giấy nợ. Ngày 17/4/2017 DL tôi có vay chị T số tiền 10.000.000 đồng, hẹn sau 02 tháng sẽ trả lại, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, hai bên có làm giấy nợ viết tay do chị N viết và ký tên vì giấy chứng minh nhân dân của tôi bị thất lạc. Số tiền này tôi mượn, sau đó 7 ngày tôi và chị N cùng đem tiền qua trả cho chị T trả tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi 350.000 đồng, tôi có nói chị T trả giấy nợ bản chính nhưng chị T nói giấy nợ bị mất, tôi và chị N có nói nếu sau này chị kiện thì sao, chị T nói chị em ai làm

như vậy nên tôi tin tưởng không đòi nữa, trả tiền chỉ có chị T, chị N và tôi ngoài ra không ai biết cũng không có giấy tờ gì chứng minh.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T buộc chị N trả số tiền 10.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, cản trừ số lãi vượt quá quy định vào số tiền gốc.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Hợp đồng vay tài sản giữa chị T và chị N được ký kết bằng văn bản, số tiền vay là 10.000.000 đồng thời hạn trả là 02 tháng không ghi mức lãi suất. Việc ký kết hợp đồng vay tiền là tự nguyện và hợp pháp, do có tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Chị N thừa nhận vay của chị T số tiền 10.000.000 đồng lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, nhưng chị vay giùm chị T được 07 ngày thì chị T và chị trả gốc và lãi cho chị T số tiền 10.350.000 đồng nhưng không lấy lại giấy nợ do chị T nói bị thất lạc không tìm được.

[3] Xét thấy việc vay tiền giữa chị T và chị N là có thật chị T và chị N đã thống nhất số tiền vay là 10.000.000 đồng, nhưng hai bên không thống nhất số tiền lãi đã nhận chị T thừa nhận có nhận của chị N tiền lãi số tiền 3000.000 đồng, chị N xác định vay giùm chị T nhưng chị là người viết giấy nhận nợ nên chị phải chịu trách nhiệm đối với chị T, chị và chị T khai đã đóng lãi cho chị T 07 ngày số tiền

350.000.000 đồng nhưng chị N không cung cấp được chứng cứ chứng minh Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai của chị T là có căn cứ.

Về lãi suất: Do hai bên không thống nhất mức lãi suất hơn nữa lãi suất vượt quá mức lãi suất mà pháp luật cho phép, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi kể từ ngày vay 17/4/2017 đến ngày 17/9/2018, cụ thể:

Lãi từ ngày vay 17/4/2017 đến 17/9/2018 là 518 ngày $X 0.8333\%/tháng$ (01 ngày 2.778 đồng) = 1.438.889 đồng

Lãi chị N đã đóng cho chị T 3.000.000 đồng – 1.438.000 đồng (tính tròn số) = 1.562.000 đồng. Như vậy tiền lãi chị N đóng cho chị T còn dư là 1.562.000 đồng trừ vào tiền vay gốc 10.000.000 đồng còn lại 8.438.000 đồng

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử Chấp nhận một phần yêu cầu của chị T buộc chị N có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 8.438.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của chị T số tiền 1.562.000 đồng.

Ghi nhận chị T không yêu cầu chồng chị N anh Lê Văn S cùng liên đới trả nợ cho chị T.

[4] Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, lãi suất hai bên không thống nhất hơn nữa mức lãi suất vượt quá quy định của pháp luật nên tính lại khấu trừ tiền lãi chị T đã nhận còn dư trừ vào số tiền gốc. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc chị Trần Thị Mỹ N có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 8.438.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của chị T số tiền 1.562.000 đồng.

Ghi nhận chị T không yêu cầu chồng chị N anh Lê Văn S cùng liên đới trả nợ cho chị T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị N phải chịu 421.900 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006180 ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H Châu Thành;
- THADS H Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Hưởng